

Số: 01 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 01/TTr-SXD ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 01 năm 2018. / *Đuol*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SXD, nvthanh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng
Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động thoát nước tại các đô thị, các khu chức năng đặc thù theo quy định của Luật Xây dựng, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
3. Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cống cấp 1: Gồm hệ thống cống bao, rãnh dọc, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh, mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng.
2. Cống cấp 2: Gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống cống cấp 1.
3. Cống cấp 3: Gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ thoát nước hoặc nước bề mặt tới hệ thống cống cấp 1 và cấp 2.
4. Thỏa thuận đấu nối: Là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.

Điều 3. Quy hoạch thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước đô thị là một nội dung của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị.



2. Các đô thị trên địa bàn tỉnh từ loại III trở lên khi thực hiện quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa đủ điều kiện để lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và kêu gọi đầu tư thì Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước để làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Nhiệm vụ quy hoạch chuyên ngành thoát nước phải làm rõ các nội dung: Phạm vi, ranh giới; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; xác định lưu vực, phân vùng thoát nước; nguồn tiếp nhận, dự báo tổng lượng thoát nước, mạng lưới và vị trí quy mô các công trình thoát nước.

4. Quy hoạch thoát nước khu công nghiệp, quy hoạch thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và việc lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, quy hoạch thoát nước thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 5 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Hệ thống thoát nước của địa phương

1. Việc lựa chọn hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn,...), hiện trạng đô thị và hiện trạng hệ thống thoát nước.

2. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống;

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt; các khu đô thị, khu chức năng đặc thù xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng;

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý; các khu vực đô thị cũ có mạng lưới thoát nước chung phải sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng hoặc cải tạo đồng bộ thành hệ thống thoát nước riêng.

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm:

a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;

c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp,... là chủ sở hữu hệ thống thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư, quản lý, vận hành đến khi bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) là chủ sở hữu hệ thống thoát nước mưa, bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước mưa là hạng mục công trình gắn với hệ thống giao thông nông thôn do mình được giao quản lý;

b) Hệ thống thoát nước mưa do mình được giao làm chủ đầu tư hoặc quyết định đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp xã.

Điều 6. Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Căn cứ quy hoạch xây dựng được duyệt và yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật trong từng giai đoạn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước phải đảm bảo những nội dung cơ bản theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 7. Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước)

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Quản lý cao độ của hệ thống thoát nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Thực hiện quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Báo cáo định kỳ hàng quý cho chủ sở hữu về tình hình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Lập kế hoạch xây dựng mới, cải tạo hàng năm đối với hệ thống thoát nước do mình quản lý, vận hành và báo cáo chủ sở hữu xem xét bố trí vốn thực hiện.

4. Quản lý tài sản được đầu tư theo hợp đồng quản lý, vận hành. Kiểm kê hệ thống thoát nước theo định kỳ và cập nhật, báo cáo kịp thời mọi sự thay đổi trong kỳ kiểm kê. Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản, tổ chức kiểm tra, bảo vệ và phát hiện, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm an toàn hệ thống thoát nước do mình quản lý.

5. Thực hiện giám sát môi trường tại các cửa xả, vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận thuộc hệ thống do mình phụ trách. Báo cáo hiện trạng môi trường theo tần suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ thoát nước thuộc vùng phục vụ đầu nối vào hệ thống thoát nước. Đồng thời theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đầu nối theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 9. Hợp đồng quản lý, vận hành

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 10. Quản lý hệ thống thoát nước mưa và quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP;

2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 11. Quy định tái sử dụng nước mưa và quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý

1. Quy định tái sử dụng nước mưa

a) Khuyến khích việc tái sử dụng nước mưa phục vụ cho các nhu cầu, góp phần giảm ngập úng, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu việc khai thác sử dụng nguồn nước ngầm và nước mặt;

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư thiết bị, công nghệ xử lý và tái sử dụng nước mưa được hỗ trợ vay vốn ưu đãi và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Việc tái sử dụng nước mưa cho các mục đích khác nhau phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước phù hợp.

2. Quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý

a) Việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý phải hướng tới việc tiết kiệm tài nguyên nước, sử dụng an toàn, đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe cộng đồng và vệ sinh môi trường.

b) Nước thải sau xử lý chủ yếu được sử dụng cho các mục đích: Tưới tiêu nông nghiệp; tưới cây, rửa đường, rửa xe; tái sử dụng trong công nghiệp; bổ sung nước cho hồ chứa nước phục vụ cảnh quan giải trí; sử dụng tuần hoàn hoặc cho các mục đích khác. Chất lượng nước thải sau xử lý nhằm sử dụng lại phải đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sử dụng cho các mục đích tương ứng và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

c) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, đảm bảo không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình thoát nước:

a) Tổ chức chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phương án và thực hiện việc sử dụng nước thải sau xử lý hoặc sử dụng tuần hoàn;

b) Tổ chức chỉ đạo rà soát, đánh giá ảnh hưởng và tác động môi trường đối với hoạt động sử dụng nước thải sau xử lý; tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện;

c) Tổ chức việc giám sát, quan trắc, định kỳ kiểm tra phân tích chất lượng nước thải sau xử lý theo quy định.

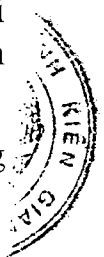
Điều 12. Xử lý nước thải phi tập trung

1. Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung: Áp dụng đối với các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình,... chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung.

2. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung

a) Xử lý nước thải phi tập trung tại chỗ: Áp dụng đối với các hộ thoát nước riêng lẻ với tổng lượng nước thải dưới $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, thiết bị/trạm xử lý nước thải được đặt ngay tại khuôn viên của hộ thoát nước.

b) Xử lý nước thải phi tập trung theo cụm: Áp dụng đối với các hộ thoát nước ở gần nhau với tổng lượng nước thải từ $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đến dưới $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, trạm xử lý nước thải có thể



được đặt tại khuôn viên của một hộ thoát nước hoặc ở một vị trí riêng biệt, thuận lợi để thu gom nước thải từ các hộ thoát nước.

c) Xử lý nước thải phi tập trung theo khu vực: Áp dụng trong một địa giới hành chính nhất định với tổng lượng nước thải từ 200 m³/ngày.đêm đến 1.000 m³/ngày.đêm, vị trí của trạm/nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khi áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải tính đến khả năng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trong tương lai và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trong trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đối với quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

a) Phải thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước do mình quản lý;

b) Lập hồ sơ quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước. Nội dung cơ bản của hồ sơ bao gồm:

- Sơ đồ hệ thống thoát nước và vị trí các công trình đầu mối;
- Kế hoạch nạo vét, thu gom bùn thải;
- Lịch nạo vét, thu gom bùn thải theo định kỳ;
- Khối lượng bùn thải được nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý trên từng tuyến cống, kênh mương và tại các công trình đầu mối theo các kỳ tương ứng;

- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải.

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo quy định và theo hợp đồng quản lý vận hành được ký với chủ sở hữu hệ thống thoát nước;

d) Khảo sát, đánh giá nhu cầu và khả năng sử dụng bùn thải sau xử lý, lập kế hoạch sử dụng bùn thải sau xử lý trình chủ sở hữu phê duyệt;

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.



3. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước đối với quản lý bùn thải

a) Tổ chức chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động thu gom vận chuyển, xử lý và tái sử dụng bùn thải đúng quy định;

b) Tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng bùn thải sau xử lý, (mở rộng và tận dụng bùn thải sau xử lý) phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương;

c) Tổ chức chỉ đạo rà soát, đánh giá ảnh hưởng và tác động môi trường đối với hoạt động sử dụng bùn thải sau xử lý;

d) Tổ chức chỉ đạo, rà soát các tiêu chuẩn sử dụng bùn thải sau xử lý trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp;

đ) Đề xuất hoặc xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể về hỗ trợ trong đầu tư xây dựng công trình, công nghệ xử lý bùn thải trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 14. Quản lý bùn thải bể tự hoại

1. Thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải bể tự hoại

a) Bùn thải từ các hộ gia đình, các cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ;

b) Việc thông hút, vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Bùn thải bể tự hoại được thu gom, lưu giữ phải được vận chuyển đến khu xử lý tập trung đã được quy hoạch hoặc vị trí do cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải bể tự hoại vào hệ thống thoát nước cũng như môi trường xung quanh;

d) Việc xử lý bùn thải, tái sử dụng bùn thải bể tự hoại phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; khuyến khích xử lý bùn thải bể tự hoại tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung trên cơ sở khả năng tiếp nhận xử lý của nhà máy, các điều kiện về môi trường và chi phí xử lý hợp lý.

đ) Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải bể tự hoại do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại; trách nhiệm của đơn vị xử lý bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV QUY ĐỊNH ĐẦU NÓI

Điều 15. Yêu cầu đầu nối vào hệ thống thoát nước và quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo:

a) Nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra môi trường;

b) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm không để nước thải chưa qua xử lý thấm vào lòng đất hoặc chảy vào nguồn tiếp nhận.

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước như sau:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đầu nối của hệ thống thoát nước.

4. Việc đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống thoát nước trong khuôn viên công trình, nhà ở của hộ thoát nước phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các yêu cầu trong các nội dung về quy định đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

5. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối sau khi có thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

6. Nước thải sinh hoạt được phép xả trực tiếp tại điểm đầu nối. Đối với các loại nước thải khác phải được thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào điểm đầu nối.

7. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có trách nhiệm xác định cụ thể vị trí, cao độ, quy cách, các yêu cầu kỹ thuật, thời điểm, chất lượng, khối lượng nước xả vào điểm đầu nối thoát nước mưa và nước thải trong văn bản thỏa thuận đầu nối và hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 16. Cao độ của điểm đầu nối

Phải đảm bảo phù hợp cao độ thiết kế công trình xây dựng, cao độ nền đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng

và cao độ hệ thống thoát nước, cao độ các tuyến cống chính và cống thu gom nước thải, nước mưa do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước quản lý.

Điều 17. Hộp đấu nối

Được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước, tại vị trí điểm đầu nối và đặt trên phần đất công, sát ranh giới giữa phần đất công và đất tư của mỗi hộ thoát nước.

Điều 18. Thời điểm đấu nối

Được thực hiện riêng cho từng dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo mở rộng hệ thống thoát nước và không quá 12 tháng kể từ ngày mạng lưới đường ống thu gom nước thải đưa vào hoạt động.

Điều 19. Chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối

1. Chất lượng nước xả thải phải đảm bảo điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải theo quy định hiện hành. Hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải được xác định theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối theo quy định:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân một người là 4 m³/tháng, đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư là 16 m³/tháng.

b) Đối với các loại nước thải khác:

Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

Điều 20. Nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đấu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của mình và đấu nối vào hộp đấu nối.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

Điều 21. Hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước

1. Hỗ trợ đầu nối nhằm thúc đẩy việc đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước; đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, nhà máy xử lý nước thải hoạt động theo đúng công suất thiết kế; bảo đảm hiệu quả trong việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình có công, gia đình nghèo theo các tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định; các hộ gia đình chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối. Việc xác định các hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phương thức hỗ trợ đầu nối

a) Hỗ trợ một phần hay toàn bộ chi phí lắp đặt từ hộp đấu nối đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của hộ gia đình;

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư hoặc từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

4. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu quyết định phương thức và mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện:

a) Rà soát, bổ sung, điều chỉnh: Quy hoạch chuyên ngành thoát nước; các nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tham gia trong việc xây dựng, giám sát và bảo vệ hệ thống thoát nước đô thị.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và quản lý bản đồ ngập úng đô thị theo kịch bản biến đổi khí hậu, bản đồ dự báo các khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở, lũ quét.

c) Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp; lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước (trừ khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế).



d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước giữa đơn vị quản lý vận hành và chủ sở hữu hệ thống thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước làm cơ sở xác định giá hợp đồng quản lý vận hành.

đ) Có ý kiến về giá dịch vụ thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế để chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế làm cơ sở quyết định về mức giá.

e) Tổ chức hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước; lập báo cáo về tình hình thoát nước bao gồm: Thực trạng về xây dựng phát triển, tình hình lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch và triển khai quy hoạch, tình hình đầu tư xây dựng và triển khai dự án đầu tư xây dựng.

g) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

h) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước chung đô thị.

i) Định kỳ hàng năm kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện:

a) Quản lý bảo vệ môi trường tại các công trình thoát nước, xử lý nước thải;

b) Thẩm định, đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; giám sát, kiểm tra nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư nông thôn tập trung xả vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải.

d) Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm về tiêu chuẩn, quy chuẩn về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật.



đ) Tổ chức thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý giá dịch vụ thoát nước; xây dựng lộ trình, mức thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn, đảm bảo chi trả cho việc duy trì công tác quản lý, vận hành tiến tới bù đắp chi phí đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với các giai đoạn và hoàn thiện hệ thống thoát nước.

b) Chủ trì tổ chức thẩm định phương án:

Giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước do Sở Xây dựng tổ chức lập;

Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác do chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập;

Có ý kiến về giá dịch vụ thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế để chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế làm cơ sở quyết định về mức giá;

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bù từ ngân sách địa phương trong trường hợp giá dịch vụ thoát nước thấp hơn mức giá dịch vụ thoát nước đã được tính đúng, tính đủ các chi phí dịch vụ thoát nước và mức lợi nhuận hợp lý.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định giá trị hợp đồng quản lý, vận hành, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra việc thu, thanh toán tiền dịch vụ thoát nước và việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Làm đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các danh mục dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

8. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định hiện hành.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của các khu công nghiệp, khu kinh tế trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành; ký kết và thực hiện hợp đồng quản lý, vận hành; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập

phương án giá dịch vụ thoát nước, trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

d) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

đ) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

e) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu kinh tế theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp;

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải;

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn;

5. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

6. Bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm cho công tác duy tu, sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước đảm bảo vận hành có hiệu quả hệ thống thoát nước và các yêu cầu về an toàn, cảnh quan và môi trường.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý hệ thống thoát nước khu dân cư, điểm dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý các vi phạm về quản lý hệ thống thoát nước trên địa bàn mình quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

3. Tuyên truyền, vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc sử dụng, bảo vệ và khai thác hiệu quả, đúng mục đích của hệ thống thoát nước, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường;

4. Tổ chức quản lý hệ thống thoát nước mưa do mình làm chủ sở hữu, gồm: Xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hàng năm, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện về kế hoạch phát triển và khắc phục trong quản lý thoát nước trên địa bàn do mình phụ trách.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Bãi bỏ Mục III và các nội dung liên quan đến thoát nước, xử lý nước thải tại Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị quản lý, vận hành thoát nước có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *Đm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng